

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)

Ngày thi: 21 / 7 /2021

Nhóm: **19T4-CNÔ2**

Môn học phần: **0714001613 - Vật lý 3**

Giờ thi:

Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Ký tên	Điểm		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	19000348	Đặng Hoàng	Anh	28/03/2004	19T4-CNÔ2		6,5	Sáu , năm	
2	19000305	Phan Tuấn	Anh	01/07/2003	19T4-CNÔ2		8,8	Tám , tám	
3	19000338	Lê Đăng Nhất	Đăng	24/07/2004	19T4-CNÔ2		9,8	Chín , tám	
4	19000390	Nguyễn Trần Tiến	Đạt	12/09/2004	19T4-CNÔ2		9,8	Chín , tám	
5	19000228	Huỳnh Quốc	Giàu	22/08/1998	19T4-CNÔ2		9,5	Chín , năm	
6	19000341	Đặng Lê Minh	Hiếu	24/12/2002	19T4-CNÔ2		6,8	Sáu , tám	
7	19000284	Huỳnh Hà Công	Hiếu	15/08/2004	19T4-CNÔ2		8,0	Tám , không	
8	19000261	Nguyễn Phạm Phúc	Hiếu	22/08/2003	19T4-CNÔ2		8,0	Tám , không	
9	19000236	Chang Khánh	Hòa	27/02/2004	19T4-CNÔ2		6,5	Sáu , năm	
10	19000231	Đồng Đình	Huân	13/08/2004	19T4-CNÔ2		7,3	Bảy , ba	
11	19000252	Bùi Quang	Hùng	02/04/2003	19T4-CNÔ2		7,3	Bảy , ba	
12	19000297	Nguyễn Ngọc	Hùng	22/02/2003	19T4-CNÔ2		8,8	Tám , tám	
13	19000397	Hà Văn	Hung	27/01/2004	19T4-CNÔ2		6,8	Sáu , tám	
14	19000312	Dương Nhật	Huy	18/04/2004	19T4-CNÔ2		8,5	Tám , năm	
15	19000251	Lê Chí	Khải	16/06/2004	19T4-CNÔ2		8,8	Tám , tám	
16	19000279	Lương Hoàng	Lộc	27/07/2004	19T4-CNÔ2		8,5	Tám , năm	
17	19000303	Nguyễn Duy	Long	07/12/2004	19T4-CNÔ2		7,0	Bảy , không	
18	19000250	Trương Đoàn Hoàng	Long	27/10/2004	19T4-CNÔ2		7,5	Bảy , năm	
19	19000281	Ngô Đức	Nam	01/11/2004	19T4-CNÔ2		0,0	Không , không	Không nộp bài
20	19000391	Nguyễn Giang	Nam	16/02/2004	19T4-CNÔ2		7,0	Bảy , không	
21	19001553	Nguyễn Trọng	Nhân	09/10/2004	19T4-CNÔ2		7,3	Bảy , ba	
22	19000311	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhân	24/11/2004	19T4-CNÔ2		7,8	Bảy , tám	
23	19000220	Nguyễn Hoàng Minh	Nhật	29/11/2004	19T4-CNÔ2		8,3	Tám , ba	
24	19000387	Châu Thanh	Phong	07/06/2004	19T4-CNÔ2		7,5	Bảy , năm	
25	19000374	Đỗ Vinh	Quang	03/11/2004	19T4-CNÔ2		8,3	Tám , ba	
26	19000217	Lê Minh	Quý	23/06/2004	19T4-CNÔ2		6,3	Sáu , ba	
27	19000296	Ngô Vũ Hoàng	Sơn	24/09/2004	19T4-CNÔ2		8,3	Tám , ba	
28	19000096	Trương Hữu	Thiên	08/08/2003	19T4-CNÔ2		5,3	Năm , ba	
29	19000302	Kiều Mạnh	Thịnh	17/07/2003	19T4-CNÔ2		7,8	Bảy , tám	
30	19000382	Nguyễn Anh	Tiến	02/12/2004	19T4-CNÔ2		7,8	Bảy , tám	
31	19000224	Châu Mai	Trí	03/04/2004	19T4-CNÔ2		6,0	Sáu , không	
32	19000352	Phạm Văn	Trí	05/09/2002	19T4-CNÔ2		7,8	Bảy , tám	
33	19000353	Hồ Văn	Triều	08/01/2003	19T4-CNÔ2		5,5	Năm , năm	
34	19000276	Nguyễn Võ Tấn	Trọng	21/01/2003	19T4-CNÔ2		5,5	Năm , năm	
35	19000405	Nguyễn Đoàn Nguyên	Tuấn	31/05/2003	19T4-CNÔ2		5,8	Năm , tám	
36	19000289	Nguyễn Phi	Vũ	23/02/2004	19T4-CNÔ2		8,0	Tám , không	
37	19000380	Võ Thành	Vỹ	23/12/2003	19T4-CNÔ2		7,0	Bảy , không	

Ghi chú:

Danh sách gồm 37 sinh viên.

Số dự kiểm tra là 36 sinh viên.
Số vắng kiểm tra là 1 sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phan Hoàng Thiện

Cán bộ chấm thi 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Tú

TP. HCM, ngày tháng năm 20.....
Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

